

Bản án số: 10/2022/HS-ST
Ngày: 28 – 3 – 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Hậu

2. Bà Mai Thị Huyền Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2022/HSST ngày 18 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HS ngày 14/3/2022 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn D (tên thường gọi khác: không), sinh năm 1976 tại Ninh Thuận; Nơi cư trú: Thôn P2, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đức H và bà Lê Thị C; anh, chị, em ruột có 04 người lớn nhất sinh 1968, nhỏ nhất sinh 1985, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình; có vợ Bùi Thị H và con là Lê Thị Hồng T, sinh 2001 và Lê Quốc H, sinh 2008; tiền án: không có; tiền sự: không có. Bị bắt tạm giữ 14/12/2021, chuyển tạm giam ngày 17/12/2021, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện N. (có mặt tại phiên tòa)

2. Bùi Thị H (tên thường gọi khác: Bảy), sinh năm 1979 tại Ninh Thuận; Nơi cư trú: Thôn P2, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi H (chết) và bà Võ Thị T; anh, chị, em ruột có 06 người: lớn nhất sinh 1967, nhỏ nhất sinh 1981, bị cáo là con thứ 5 trong gia đình; có chồng là Lê Văn D và con là Lê Thị Hồng T, sinh 2001 và Lê Quốc H, sinh 2008; tiền án: không có; tiền sự: không có. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa)

3. Võ Thị T (tên thường gọi khác: không), sinh năm 1940 tại Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn P1, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ H (liệt sĩ) và bà Nguyễn Thị I (chết); anh, chị, em ruột có 04 người nhỏ nhất sinh 1967, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; có chồng là Bùi H (chết) và con là Bùi Thị T, sinh 1967, Bùi Thị T, sinh 1969, Bùi Thị T, sinh 1971, Bùi Thị T, sinh 1974, Bùi Thị H, sinh 1979 và Bùi Phúc Đ, sinh 1981; tiền án: không có; tiền sự: không có. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa cho các bị cáo Lê Văn D, Bùi Thị H: Luật sư Trần Thanh T – Văn phòng luật sư T, thuộc đoàn luật sư tỉnh Ninh Thuận. (có mặt)

Người làm chứng:

- Lý Võ Ngọc H, sinh 1990.

- Huỳnh Quốc H, sinh 1975.

- Lê Văn T, sinh 1971.

- Bùi Thị T, sinh 1969

Cùng trú tại: P2, P, N, Ninh Thuận. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào lúc 07 giờ 20 phút ngày 14/12/2021, Ủy ban nhân dân huyện N phối hợp cùng Ủy ban nhân dân xã P và lực lượng Công an huyện N tiến hành thi hành Quyết định cưỡng chế số 1460 ngày 13/5/2021 của UBND huyện N đối với hộ Lê Văn D, sinh năm: 1976, trú tại: Thôn P2, xã P, huyện N liên quan đến việc cưỡng chế thu hồi diện tích đất 111m² sử dụng trái phép. Do đã được thông báo trước nên D cùng vợ là Bùi Thị H, sinh năm: 1979, mẹ vợ của D là Võ Thị T, sinh năm: 1940 trú tại: P1, P, N đã chuẩn bị sẵn dao, rựa, mỏ gậy và một số thùng dầu diesel để chống đối, cản trở việc thi hành cưỡng chế. H cầm rựa, dùng micro và loa để la hét, đe dọa nhằm ngăn cản lực lượng cưỡng chế. H xách ra hai thùng dầu đổ xung quanh tạt dầu ra đường và hắt vào lực lượng cưỡng chế và bảo vệ cưỡng chế, sau đó đốt lửa cây đuốc quẩn vãi H cầm trên tay rồi quơ qua lại để uy hiếp, thách thức lực lượng cưỡng chế. D đứng trong vườn nhà, lấy một cây đuốc có sẵn trong vườn, dùng bật lửa đốt phần giẻ đã thấm dầu quẩn trên ngọn đuốc đe dọa lực lượng cưỡng chế “*Ai đụng đến tài sản của tao thì tao giết*”. T cầm 02 con dao đe dọa lực lượng cưỡng chế “*Hôm rày tao ngồi tao dắt cây dao, mấy ông liệu á, không ai ăn cướp của nhà nước đâu*”, “*Chặt đầu liền, chặt đầu liền. Con nào thằng nào bước vô đây, cứ việc vô đây*”. Sau đó H

châm lửa bốc cháy lên ở hàng rào nên lực lượng bảo vệ cường chế đã tiến hành dập lửa và bắt giữ D, H, T và thu giữ nhiều hung khí và dụng cụ liên quan tại hiện trường về phục vụ điều tra. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Lê Văn D, Bùi Thị H và Võ Thị T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 11/CT-VKS-HS ngày 17/02/2022 của Viện kiểm sát huyện N, tỉnh Ninh Thuận truy tố các bị cáo Lê Văn D, Bùi Thị H và Võ Thị T về tội “Chống người thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 330 Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo D, H và T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Lê Văn D, Bùi Thị H và Võ Thị T về tội “Chống người thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 330 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 330; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn D từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 330; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị H từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 330; Điểm i, s, o, x khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Thị T từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 cây rựa có phần lưỡi sắt dài 35cm, phần cán bằng tre, tổng chiều dài cây rựa là 87cm; 01 cây dao có phần cán bằng kim loại, phần lưỡi bằng kim loại dài 25cm. Tổng chiều dài cây dao là 36 cm; 01 cây dao có phần cán và phần lưỡi liền nhau, tổng chiều dài cây dao là 38,5cm, phần lưỡi dao dài 28cm; 01 thân gỗ dài 74cm, có một đầu quấn vải, có mùi xăng dầu; 01 thùng bằng nhựa màu xanh nhạt, đường kính nắp thùng là 30cm, chiều cao 34cm, có quai xách; 01 ca nhựa màu đỏ, có phần cầm bằng nhựa dài 10 cm hình trụ, phần miệng ca nhựa có đường kính 19cm, chiều cao ca nhựa là 10cm; 01 cây rựa có phần lưỡi kim loại, lưỡi dài 27cm, cán bằng tre. Tổng chiều dài cây rựa là 67cm; 01 cây gỗ dài 1m, có một đầu bọc vải trên thân gỗ dài 0,31m được cột bằng dây thép; 01 cây gỗ dài 0,55m có một đầu được bọc vải dài 0,16 m cột với thân gỗ bằng dây thép, đã bị cháy thân hoá một phần. Trong quá

trình điều tra xác định đây là hung khí mà các bị can D, H, T sử dụng vào việc chống đối, cản trở lực lượng thi hành nhiệm vụ cưỡng chế.

- 01 can nhựa màu trắng, nắp vàng, loại thể tích 05 lít chứa chất lỏng màu vàng nâu (không xác định thể tích); 01 can nhựa màu trắng, nắp đỏ loại thể tích 30 lít chứa chất lỏng màu nâu (không xác định thể tích); 21 viên đá không rõ hình dạng; 01 xô nhựa màu vàng có đường kính 24 cm, cao 25,5cm; 01 xô nhựa màu xanh có đường kính 30cm, cao 38cm, bên ngoài có ghi nhãn hiệu PETROLUB, thể tích 18 lít; 01 cây mỏ gãy dài 2,57m, cán bằng gỗ (tre) dài 2,03m, đầu mỏ gãy bằng kim loại dài 0,54m có mũi nhọn; 01 xô nhựa màu trắng có đường kính 30cm, cao 38cm bên ngoài có ghi nhãn hiệu INITI, thể tích 18 lít; 02 lon bằng kim loại bên ngoài có nhãn hiệu ENSURE, có đường kính 10cm, cao 12cm; 01 can nhựa màu trắng thể tích loại 5 lít bị bể vỡ; 01 can nhựa màu trắng loại thể tích 10 lít, bên trong có chứa chất lỏng màu vàng (không xác định thể tích), can có kích thước (33x25x12)cm, mực chất lỏng đo từ đáy can cao 7cm; 01 can nhựa màu trắng loại thể tích 10 lít bên trong có chứa chất lỏng màu vàng (không xác định thể tích), can có kích thước (33x25x12)cm, mực chất lỏng đo từ đáy cao 8cm; 01 giỏ xách nhựa màu đỏ có kích thước (28x37x12)cm, bên trong có chứa 20 viên đá không rõ hình dạng với nhiều kích thước khác nhau; 01 thùng nhựa có đường kính miệng 24cm, chiều cao 26cm, có quai bằng kim loại; 01 ca nhựa màu đỏ. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của Bùi Thị H không sử dụng vào mục đích phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho H.

- 01 micro cầm tay có chiều dài 24cm, 01 loa di động màu đen (có bánh lăn), chiều dài 79cm. Đây là tài sản của anh Huỳnh Quốc H, sinh năm: 1975, trú tại: Thôn P 1, xã P, huyện N cho Bùi Thị H thuê nhưng không biết H sử dụng vào mục đích phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N trả cho ông H.

- 01 điện thoại di động Redmi Note8, số Imei 1 là 863102046917498, số Imei 2 86310204917496, có gắn sim số 0358854962 và số sim 0908235474. Quá trình điều tra xác định ngày 14/12/2021 anh Đỗ Ngọc Lý H, sinh năm: 1999, trú tại: Thôn P1, xã P, huyện N có mặt tại hiện trường quay lại hình ảnh buổi cưỡng chế nhưng không nhằm mục đích phán tán thông tin xúi dục, kích động, chống đối, cản trở lực lượng thi hành công vụ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không xử lý hình sự và trả điện thoại trên cho anh H.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo D và H: Thống nhất với cáo trạng viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng như đại diện Viện kiểm sát đề nghị, HĐXX xem xét cho các bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ phạm tội nhưng

chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do nhận thức pháp luật của các bị cáo còn hạn chế, đề nghị HĐXX xem xét quyết định hình phạt theo khoản 3 Điều 54 BLHS đối với bị cáo D, thời hạn tù bằng thời hạn bị cáo bị tạm giam (03 tháng 14 ngày tù) và trả tự do cho bị cáo D, cho bị cáo H được hưởng án treo theo Điều 65 BLHS cũng đủ để răn đe và giáo dục các bị cáo thành công dân tốt.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của nhân chứng và các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được trong quá trình điều tra có tại hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố, nên đủ cơ sở kết luận: Do muốn bảo vệ lợi ích cá nhân, xem thường pháp luật nên vào lúc 07 giờ 20 ngày 14/12/2021, khi biết Ủy ban nhân dân huyện N tiến hành cưỡng chế thu hồi 111 m² đất tại thôn P 2, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận thì D, H và T đã có hành vi dùng hung khí và lời lẽ thách thức, đe dọa, cản trở lực lượng cưỡng chế và bảo vệ cưỡng chế gây khó khăn trong cưỡng chế thu hồi đất.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Lê Văn D, Bùi Thị H và Võ Thị T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chống người thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 330 Bộ luật hình sự. Các bị cáo D, H và T là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức rõ hành vi dùng hung khí và dùng lời nói, cử chỉ có tính răn đe, thách thức nhằm uy hiếp, cản trở lực lượng cưỡng chế và bảo vệ cưỡng chế gây khó khăn trong cưỡng chế thu hồi đất. Các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm

phạm đến việc thực hiện nhiệm vụ của người đang thi hành công vụ và thông qua đó xâm phạm đến hoạt động của Nhà nước về quản lý hành chính trong lĩnh vực thi hành nhiệm vụ công. Vì vậy, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố các bị cáo về tội “Chống người thi hành công vụ” được quy định tại khoản 1 Điều 330 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, hành vi của các bị cáo chỉ mang tính chất bộc phát, các bị cáo tham gia với vai trò đều là người thực hành. Để có căn cứ áp dụng hình phạt phù hợp, trên cơ sở đánh giá tính chất mức độ hành vi cũng như về nhân thân của từng bị cáo. Trong đó bị cáo Bùi Thị H và bị cáo Lê Văn D là vợ chồng, chỉ vì lợi ích cá nhân bị cáo D có hành vi lấy một cây đuốc có sẵn trong vườn, dùng bật lửa đốt ngọn đuốc đồng thời dùng lời nói đe dọa lực lượng cưỡng chế. Đối với bị cáo Bùi Thị H đã chủ động sử dụng loa di động, rửa và dầu diesel, cây gỗ quán vãi đốt đe dọa lực lượng tham gia cưỡng chế. Hành vi của bị cáo T cầm dao và dùng lời nói đe dọa lực lượng cưỡng chế.

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân các bị cáo: Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo H và bị cáo D đang là người thờ cúng ông ngoại là liệt sĩ Võ Hải, đây được xem là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng đối với bị cáo T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ bị cáo là người đủ 70 tuổi trở lên, bị cáo là con của liệt sĩ quy định tại điểm o và x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ công. Vì vậy cần áp dụng hình phạt tương xứng, xử phạt bị cáo Lê Văn D hình phạt tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam và trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt. Các bị cáo còn lại là bị cáo H và T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, chưa có tiền án tiền sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo H được hưởng án treo, bị cáo T cải tạo không giam giữ dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo thành công dân tốt và thể hiện sự nhân đạo của pháp luật phù hợp với quy định tại Điều 65 và Điều 36 Bộ luật hình sự. Do bị cáo T là người già yếu, nên không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo T.

[3] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 cây rựa có phần lưỡi sắt dài 35cm, phần cán bằng tre, tổng chiều dài cây rựa là 87cm; 01 cây dao có phần cán bằng kim loại, phần lưỡi bằng

kim loại dài 25cm. Tổng chiều dài cây dao là 36 cm; 01 cây dao có phần cán và phần lưỡi liền nhau, tổng chiều dài cây dao là 38,5cm, phần lưỡi dao dài 28cm; 01 thân gỗ dài 74cm, có một đầu quấn vải, có mùi xăng dầu; 01 thùng bằng nhựa màu xanh nhạt, đường kính nắp thùng là 30cm, chiều cao 34cm, có quai xách; 01 ca nhựa màu đỏ, có phần cầm bằng nhựa dài 10 cm hình trụ, phần miệng ca nhựa có đường kính 19cm, chiều cao ca nhựa là 10cm; 01 cây rựa có phần lưỡi kim loại, lưỡi dài 27cm, cán bằng tre. Tổng chiều dài cây rựa là 67cm; 01 cây gỗ dài 1m, có một đầu bọc vải trên thân gỗ dài 0,31m được cột bằng dây thép; 01 cây gỗ dài 0,55m có một đầu được bọc vải dài 0,16 m cột với thân gỗ bằng dây thép, đã bị cháy thân hoá một phần. Trong quá trình điều tra xác định đây là hung khí mà các bị can D, H, T sử dụng vào việc chống đối, cản trở lực lượng thi hành nhiệm vụ cưỡng chế.

- 01 can nhựa màu trắng, nắp vàng, loại thể tích 05 lít chứa chất lỏng màu vàng nâu (không xác định thể tích); 01 can nhựa màu trắng, nắp đỏ loại thể tích 30 lít chứa chất lỏng màu nâu (không xác định thể tích); 21 viên đá không rõ hình dạng; 01 xô nhựa màu vàng có đường kính 24 cm, cao 25,5cm; 01 xô nhựa màu xanh có đường kính 30cm, cao 38cm, bên ngoài có ghi nhãn hiệu PETROLUB, thể tích 18 lít; 01 cây mỏ gãy dài 2,57m, cán bằng gỗ (tre) dài 2,03m, đầu mỏ gãy bằng kim loại dài 0,54m có mũi nhọn; 01 xô nhựa màu trắng có đường kính 30cm, cao 38cm bên ngoài có ghi nhãn hiệu INITI, thể tích 18 lít; 02 lon bằng kim loại bên ngoài có nhãn hiệu ENSURE, có đường kính 10cm, cao 12cm; 01 can nhựa màu trắng thể tích loại 5 lít bị bể vỡ; 01 can nhựa màu trắng loại thể tích 10 lít, bên trong có chứa chất lỏng màu vàng (không xác định thể tích), can có kích thước (33x25x12)cm, mực chất lỏng đo từ đáy can cao 7cm; 01 can nhựa màu trắng loại thể tích 10 lít bên trong có chứa chất lỏng màu vàng (không xác định thể tích), can có kích thước (33x25x12)cm, mực chất lỏng đo từ đáy cao 8cm; 01 giỏ xách nhựa màu đỏ có kích thước (28x37x12)cm, bên trong có chứa 20 viên đá không rõ hình dạng với nhiều kích thước khác nhau; 01 thùng nhựa có đường kính miệng 24cm, chiều cao 26cm, có quai bằng kim loại; 01 ca nhựa màu đỏ. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của Bùi Thị H không sử dụng vào mục đích phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho H là có cơ sở.

- 01 micro cầm tay có chiều dài 24cm, 01 loa di động màu đen (có bánh lăn), chiều dài 79cm. Đây là tài sản của anh Huỳnh Quốc H, sinh năm: 1975, trú tại: Thôn P 1, xã P, huyện N cho Bùi Thị H thuê nhưng không biết H sử dụng vào mục đích phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N trả cho ông H là đúng pháp luật.

- 01 điện thoại di động Redmi Note8, số imei 1 là 863102046917498, số Imei 2 86310204917496, có gắn sim số 0358854962 và số sim 0908235474. Quá trình điều

tra xác định ngày 14/12/2021 anh Đỗ Ngọc Lý H, sinh năm: 1999, trú tại: Thôn P 1, xã P, huyện N có mặt tại hiện trường quay lại hình ảnh buổi cưỡng chế nhưng không nhằm mục đích phân tán thông tin xúi dục, kích động, chống đối, cản trở lực lượng thi hành công vụ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không xử lý hình sự và trả điện thoại trên cho anh H là có cơ sở.

[4] Chấp nhận một phần ý kiến của luật sư bào chữa cho các bị cáo D, H tại phiên tòa: Xử phạt bị cáo D thời hạn tù bằng thời hạn bị cáo bị tạm giam (03 tháng 14 ngày tù) và trả tự do cho bị cáo D; cho bị cáo H được hưởng án treo theo Điều 65 BLHS. Không chấp nhận đề nghị cho các bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn tại điểm h khoản 1 Điều 51.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 330; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 38; Khoản 3 Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự; Khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn D phạm tội “*Chống người thi hành công vụ*”.

Xử phạt bị cáo Lê Văn D 03 (ba) tháng 14 (mười bốn) ngày tù, thời hạn phạt tù bằng thời gian bị tạm giữ tạm giam.

Tuyên trả tự do cho bị cáo Lê Văn D tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 330; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị H phạm tội “*Chống người thi hành công vụ*”.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị H 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Bùi Thị H cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận nơi bị cáo cư trú quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 330; Điểm i, s, o, x khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Võ Thị T phạm tội “*Chống người thi hành công vụ*”.

Xử phạt bị cáo Võ Thị T 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Võ Thị T.

Giao bị cáo Võ Thị T cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

4. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu tiêu hủy: 01 cây rựa có phần lưỡi sắt dài 35cm, phần cán bằng tre, tổng chiều dài cây rựa là 87cm; 01 cây dao có phần cán bằng kim loại, phần lưỡi bằng kim loại dài 25cm. Tổng chiều dài cây dao là 36 cm; 01 cây dao có phần cán và phần lưỡi liền nhau, tổng chiều dài cây dao là 38,5cm, phần lưỡi dao dài 28cm; 01 thân gỗ dài 74cm, có một đầu quấn vải, có mùi xăng dầu; 01 thùng bằng nhựa màu xanh nhạt, đường kính nắp thùng là 30cm, chiều cao 34cm, có quai xách; 01 ca nhựa màu đỏ, có phần cầm bằng nhựa dài 10 cm hình trụ, phần miệng ca nhựa có đường kính 19cm, chiều cao ca nhựa là 10cm; 01 cây rựa có phần lưỡi kim loại, lưỡi dài 27cm, cán bằng tre. Tổng chiều dài cây rựa là 67cm; 01 cây gỗ dài 1m, có một đầu bọc vải trên thân gỗ dài 0,31m được cột bằng dây thép; 01 cây gỗ dài 0,55m có một đầu được bọc vải dài 0,16 m cột với thân gỗ bằng dây thép, đã bị cháy thân hoá một phần. Trong quá trình điều tra xác định đây là hung khí mà các bị can D, H, T sử dụng vào việc chống đối, cản trở lực lượng thi hành nhiệm vụ cưỡng chế.

(Vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, đặc điểm vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Công an huyện N và Chi cục thi hành án dân sự huyện N ngày 17/02/2022).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lê Văn D, Bùi Thị H và Võ Thị T mỗi người phải chịu 200.000^d (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/3/2022).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu (hồ sơ, án văn)/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Cường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Hà văn Châu Hà Văn Tiên

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Vũ Văn Cường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phạm Thị Huệ

Đào Minh Phần

Vũ Văn Cường

